

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 183/2023/DS-ST
Ngày 29 - 9 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Hữu Quang

Ông Võ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 253/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Diễm T**, sinh năm 1997 - Chủ hộ kinh doanh (vắng mặt);

Địa chỉ: **Tổ C, Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Long An.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Võ Thị Q**, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: **Số B, đường N, khu phố B, thị trấn T, tỉnh Long An** (theo hợp đồng ủy quyền ngày 05 tháng 5 năm 2023 của **Văn phòng C**).

- *Bị đơn:* Ông **Lê Thanh H**, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: **Số nhà C, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2023 và quá trình tố tụng, bà **Võ Thị Q** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh có bán cho ông **Lê Thanh H** bán thức ăn nuôi tôm, từ năm 2020 đến ngày 22 tháng 11 năm 2022 thì ông **H** còn nợ số tiền là 163.976.000đ (một trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn

đồng). Do đó, bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Lê Thanh H** trả cho bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh số tiền nợ là 163.976.000đ (một trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

*Tại phiên tòa, ông **Lê Thanh H** là bị đơn trình bày:*

Phía nguyên đơn trình bày về việc nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm là đúng, hiện nay, ông còn nợ 163.976.000đ (một trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), ông đồng ý trả cho bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh số tiền 163.976.000đ (một trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) nhưng hiện nay kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn nên ông yêu cầu bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh cho ông trả dần, mỗi năm trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) cho đến khi xong nợ.

Bà **Võ Thị Q** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh và nơi cư trú của ông **Lê Thanh H**, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà **Võ Thị Q** có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt bà **Võ Thị Q**.

[3] Lời trình bày của bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh tại đơn khởi kiện phù hợp với lời trình bày của ông **Lê Thanh H** tại phiên tòa nên có cơ sở xác định: Ông **Lê Thanh H** có mua thức ăn nuôi tôm của bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản.

[4] Bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Lê Thanh H** trả số tiền còn nợ với tổng số tiền là 163.976.000đ (một trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Ông **Lê Thanh H** đã thừa nhận nợ và đồng ý trả cho bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh. Do đó, yêu cầu của bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh là có căn cứ, phù hợp với giấy ghi nợ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận về tổng số tiền yêu cầu.

Ông **Lê Thanh H** cho rằng hiện nay kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn nên ông **H** yêu cầu bà **T** - Chủ hộ kinh doanh cho ông **H** trả dần, mỗi năm trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) cho đến khi xong nợ nhưng phía nguyên đơn vắng mặt nên không có căn cứ xem xét yêu cầu của ông **Lê Thanh H**.

Bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh không yêu cầu tính lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Buộc ông **Lê Thanh H** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh với tổng số tiền là 163.976.000đ (một trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

[4] Việc ông **Lê Thanh H** trả số tiền nêu trên cho bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh vào thời gian nào, bao nhiêu lần thì các bên có quyền thỏa thuận, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh không phải chịu, bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 4.099.400đ (bốn triệu không trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm đồng) được nhận lại.

Ông **Lê Thanh H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 8.198.800đ (tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng các Điều 430, 440, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh về việc buộc ông **Lê Thanh H** trả tiền mua bán tài sản.

Buộc ông **Lê Thanh H** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh số tiền 163.976.000đ (một trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 4.099.400đ (bốn triệu không trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm đồng), theo biên lai số 0003497 ngày 25 tháng 7 năm 2023 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành được nhận lại.

Ông **Lê Thanh H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 8.198.800đ (tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng).

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm. Riêng bà **Nguyễn Thị Diễm T** - Chủ hộ kinh doanh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (2b);
- **Chi cục THA huyện C** (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu HS (1b); Lưu VT (1b).

Diệp Song T1